

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ nghị quyết số 39/NQQ-HĐĐTHN ngày 19/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-ĐHKTCN ngày 02/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2023/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Biên bản số 1845 /BB-HĐKH&ĐT ngày 12/7/2022 của Hội đồng Khoa học & Đào tạo trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

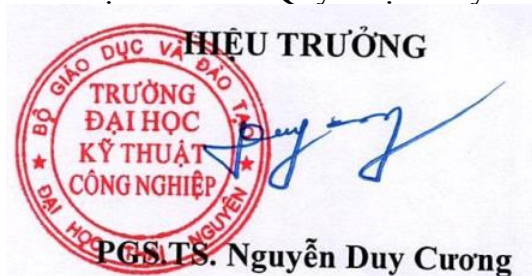
Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2022 của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (có danh sách ngành và chuyên ngành kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa 58 tuyển sinh năm 2022.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn trực thuộc, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Các Khoa, Phòng KT&ĐBCLGD;
- Lưu: VT, ĐT.



DANH SÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1848/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

TT	Mã ngành	Ngành	Chuyên ngành	
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí	1	Cơ khí chế tạo máy
2	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2	Công nghệ sản xuất tự động
3	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	3	Kỹ thuật Cơ điện tử
4	7520903	Kỹ thuật vật liệu	4	Kỹ thuật vật liệu
5	7520116	Kỹ thuật Cơ khí động lực	5	Cơ khí động lực
6	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	6	Công nghệ ô tô
			7	Công nghệ nhiệt lạnh ô tô
			8	Công nghệ cơ điện tử ô tô
			9	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng	10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
8	7580101	Kiến trúc	11	Kiến trúc công trình
9	7520320	Kỹ thuật môi trường	12	Kỹ thuật môi trường
			13	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị
10	7520201	Kỹ thuật điện	14	Kỹ thuật điện và công nghệ thông minh
			15	Hệ thống điện
			16	Thiết bị điện – điện tử
			17	Điện công nghiệp dân dụng
11	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	18	Tự động hóa công nghiệp
			19	Kỹ thuật điều khiển
12	7510303	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	20	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa
13	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	21	Điện tử viễn thông
			22	Kỹ thuật điện tử
			23	Công nghệ IoT và hệ thống điện tử thông minh
			24	Truyền thông và mạng máy tính
			25	Quản trị mạng và truyền thông

14	7480106	Kỹ thuật máy tính	26	Tin học công nghiệp
			27	Kỹ thuật dữ liệu và trí tuệ nhân tạo
			28	Hệ thống nhúng và IoT
			29	Kỹ thuật phần mềm.
15	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	30	Công nghệ kỹ thuật điện
16	7510202	Công nghệ chế tạo máy	31	Công nghệ chế tạo máy
17	7510601	Quản lý công nghiệp	32	Quản lý công nghiệp
18	7510604	Kinh tế công nghiệp	33	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp
19	7220201	Ngôn ngữ Anh	34	Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ

Án định danh sách: 19 ngành; 34 chuyên ngành.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Kinh tế công nghiệp

Tên tiếng Anh: Industrial economy

Mã ngành: 7510604

Chuyên ngành đào tạo:

Kế toán doanh nghiệp công nghiệp;

Quản trị doanh nghiệp công nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh thông qua kỳ thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình theo Quy chế đào tạo

Tên văn bằng: Cử nhân kinh tế công nghiệp

(CTĐT được ban hành theo Quyết định số 1848/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Kinh tế công nghiệp (với 2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp và Quản trị doanh nghiệp công nghiệp) sẽ đào tạo cho xã hội những cử nhân kinh tế công nghiệp có trình độ đại học có phẩm chất chính trị tốt, tư cách đạo đức tốt, có đủ sức khỏe tham gia công tác, có trình độ năng lực chuyên môn sâu về kế toán/ quản trị, có tư duy sâu về lĩnh vực kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán có khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, đánh giá và đưa ra ý kiến tư vấn hữu ích giúp các nhà quản trị trong việc ra quyết định, điều hành hoạt động của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất:

(1) Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học kỹ thuật ở trình độ đại học, có thể tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

(2) Nắm vững kiến thức về kinh tế, quản trị, kế toán, kiến thức về chế độ, chính sách kế toán, kiến thức tin học ứng dụng trong việc sử dụng các phần mềm quản trị, kế toán, hỗ trợ kê khai thuế. Qua đó, sẽ giúp sinh viên trong việc phân tích, tổng hợp, đánh giá và lập các báo cáo quản trị, báo cáo kế toán cần thiết.

(3) Có thái độ, nhận thức rõ trách nhiệm công dân, chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị; biết tôn trọng lợi ích tập thể; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, lập luận, có tư duy sáng tạo, ham tìm hiểu và khả năng học tập suốt đời; dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với thử thách.

(4) Được trang bị các kỹ năng mềm như: Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp; có tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện; có kỹ năng thiết kế hệ thống thông tin để đáp ứng nhu cầu cung cấp, sử dụng thông tin kế toán tài chính và quản trị; có kỹ năng nghề nghiệp cần thiết; luôn tự tin khi tiếp cận với tri thức mới để điều chỉnh cách thức làm việc sao cho phù hợp với môi trường làm việc thực tế của nghề nghiệp, sử dụng được ngoại ngữ, tin học để phục vụ cho nhu cầu của công việc quản trị, cũng như kế toán.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cấp độ 2)

CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, từ đó tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn	2
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng (bao gồm Kiến thức liên ngành, nhóm ngành, cơ sở ngành) phục vụ cho nghiên cứu, học tập các kiến thức chuyên ngành, cũng như tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người làm việc trong lĩnh vực KTCN	3
1.3	Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành KTCN từ đó có thể phân tích, nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người quản trị hoặc nhân viên quản trị nghiệp vụ.	4
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1	Nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết từ đó đề xuất phương án giải quyết phù hợp	3
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề một cách độc lập, ứng dụng kết quả nghiên cứu và khám phá	3
2.3	Xem xét sự vật, hiện tượng dưới góc nhìn tổng quát, đồng thời đặt chúng trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống	3

2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thực hiện quản lý thời gian, nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập kết hợp vận dụng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Biết nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm cao.	3
2.5	Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội	3
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN	
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm	3
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ	3
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; của tổ chức/doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; Hiểu biết về các chế độ, chính sách pháp luật kinh doanh, kế toán; Nhận diện được những thay đổi của môi trường, cơ hội, thách thức mà tổ chức/doanh nghiệp đang gặp phải	3
4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức/doanh nghiệp; những đặc điểm cơ bản của tổ chức/doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của tổ chức/doanh nghiệp	3
4.3	Xác định mục tiêu, yêu cầu, xây dựng nội dung tổ chức công tác kế toán trong tổ chức/doanh nghiệp; xác định được mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp; Có khả năng xác định, tìm kiếm, lựa chọn nguồn cung ứng nhân lực/lựa chọn dự án/ ý tưởng kinh doanh/ chiến lược tác nghiệp cho tổ chức/doanh nghiệp	3
4.4	Thiết kế sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán (bộ máy quản trị doanh nghiệp); quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán (quy trình quản trị); quy trình ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo theo hình thức kế toán phù hợp; quy trình, thủ tục kiểm tra, kiểm soát hệ thống kế toán; Thiết kế mô hình cơ cấu tổ chức, bản mô tả vị trí công việc, xây dựng quy trình tuyển mộ, tuyển chọn, quy trình tác nghiệp, lập kế hoạch, dự án, ý tưởng kinh doanh	3
4.5	Tổ chức nhân sự kế toán cho từng vị trí trong bộ máy kế toán (bộ máy quản trị doanh nghiệp); vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán (vận dụng và thực hiện quy trình quản trị); thực hiện	3

	quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ và lập báo cáo kế toán; Thực hiện tuyển dụng, bố trí công việc, đào tạo phát triển nhân lực, phân bổ quyền hạn, trách nhiệm trong tổ chức, triển khai điều phối nguồn lực, kiểm soát thực hiện dự án/ý tưởng kinh doanh/ chất lượng	
4.6	Kiểm tra việc tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán; thực hiện các thủ tục kiểm tra, kiểm soát hệ thống kế toán; Đánh giá hiệu quả của tổ chức công tác kế toán trong việc cung cấp thông tin kế toán, mức độ đáp ứng của nhân sự kế toán đối với các phần hành kế toán được phân công; Kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân, bộ phận, đề xuất phương án cải tiến/ kết quả thực hiện dự án, ý tưởng kinh doanh/ hiệu quả tác nghiệp và đề xuất phương án cải tiến quy trình	3

IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU - CDR

CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu của CTĐT			
		1	2	3	4
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	✓	✓	✓	
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, từ đó tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn	✓		✓	
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng (<i>bao gồm Kiến thức liên ngành, nhóm ngành, cơ sở ngành</i>) phục vụ cho nghiên cứu, học tập các kiến thức chuyên ngành, cũng như tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người làm kế toán		✓		
1.3	Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp từ đó có thể phân tích cho nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người quản trị hoặc nhân viên quản trị nghiệp vụ.		✓	✓	
1.3.1	Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp từ đó có thể phân tích cho nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người làm kế toán		✓	✓	
1.3.2	Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành quản trị doanh nghiệp công nghiệp từ đó có thể phân tích cho nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người quản trị		✓	✓	
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP			✓	
2.1	Nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết từ đó đề xuất			✓	

	phương án giải quyết phù hợp				
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề một cách độc lập, ứng dụng kết quả nghiên cứu và khám phá			✓	
2.3	Xem xét sự vật, hiện tượng dưới góc nhìn tổng quát, đồng thời đặt chúng trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống			✓	
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thực hiện quản lý thời gian, nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập kết hợp vận dụng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Biết nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm cao.			✓	
2.5	Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội			✓	
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN				✓
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm				✓
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ				✓
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI			✓	✓
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; của tổ chức/doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; Hiểu biết về các chế độ, chính sách pháp luật kinh doanh, kế toán; Nhận diện được những thay đổi của môi trường, cơ hội, thách thức mà tổ chức/doanh nghiệp đang gặp phải			✓	✓
4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức/doanh nghiệp; những đặc điểm cơ bản của tổ chức/doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của tổ chức/doanh nghiệp			✓	✓
4.3	Xác định mục tiêu, yêu cầu, xây dựng nội dung tổ chức công tác kế toán trong tổ chức/doanh nghiệp; xác định được mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh của tổ			✓	✓

	chức/doanh nghiệp; Có khả năng xác định, tìm kiếm, lựa chọn nguồn cung ứng nhân lực/lựa chọn dự án/ ý tưởng kinh doanh/ chiến lược tác nghiệp cho tổ chức/ doanh nghiệp				
4.4	Thiết kế sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán (bộ máy quản trị doanh nghiệp); quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán (quy trình quản trị); quy trình ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo theo hình thức kế toán phù hợp; quy trình, thủ tục kiểm tra, kiểm soát hệ thống kế toán; Thiết kế mô hình cơ cấu tổ chức, bản mô tả vị trí công việc, xây dựng quy trình tuyển mộ, tuyển chọn, quy trình tác nghiệp, lập kế hoạch, dự án, ý tưởng kinh doanh			✓	✓
4.5	Tổ chức nhân sự kế toán cho từng vị trí trong bộ máy kế toán (bộ máy quản trị doanh nghiệp); vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán (vận dụng và thực hiện quy trình quản trị); thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ và lập báo cáo kế toán; Thực hiện tuyển dụng, bố trí công việc, đào tạo phát triển nhân lực, phân bổ quyền hạn, trách nhiệm trong tổ chức, triển khai điều phối nguồn lực, kiểm soát thực hiện dự án/ý tưởng kinh doanh/ chất lượng			✓	✓
4.6	Kiểm tra việc tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán; thực hiện các thủ tục kiểm tra, kiểm soát hệ thống kế toán; Đánh giá hiệu quả của tổ chức công tác kế toán trong việc cung cấp thông tin kế toán, mức độ đáp ứng của nhân sự kế toán đối với các phân hành kế toán được phân công; Kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân, bộ phận, đề xuất phương án cải tiến/ kết quả thực hiện dự án, ý tưởng kinh doanh/ hiệu quả tác nghiệp và đề xuất phương án cải tiến quy trình			✓	✓

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Sau thời gian được đào tạo hệ đại học chính quy đối với ngành kinh tế công nghiệp như sau:

+ Đối với chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp – Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp, người học sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên môn sâu, cũng như rèn luyện các kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện các công việc như:

- Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế... một cách chuyên nghiệp;

- Tổ chức vận hành các phân hành kế toán trong doanh nghiệp, cung cấp thông tin kế toán tài chính, thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị;

- Trực tiếp thực hiện và điều hành các hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng;

- Nâng cao khả năng phân tích và tư vấn kế toán cho các đối tượng có nhu cầu;

- Trực tiếp giảng dạy chuyên môn, nghiên cứu trong các trường đại học, cao đẳng thuộc khối kinh tế.

+ Đối với chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp – Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp, người học sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên môn sâu, cũng như rèn luyện các kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện các công việc như:

- Làm việc ở vị trí một cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, đặc biệt có lợi thế trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp.

- Làm việc trong các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.

- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho bản thân.

- Làm việc trong các sở, ban, ngành thuộc các cơ quan chính quyền.

- Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về quản trị kinh doanh tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

VI. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tiếp tục học tập các chuyên ngành ở các trình độ sau đại học trong lĩnh vực kinh tế nói chung, lĩnh vực quản trị, kế toán, tài chính nói riêng;

- Thực hiện các nghiên cứu chuyên ngành sâu về quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, kiểm toán.

VII. MÔ TẢ VỀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

1.1. Phân bổ khối kiến thức

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	27	4
+ Lý luận chính trị + Pháp luật	13	13	
+ Toán học	2	2	
+ Khoa học, xã hội	4		4
+ Ngoại ngữ	9	9	
+ Tin học	3	3	
Khối kiến thức chuyên nghiệp	92	83	9
+ Liên ngành	3	3	
+ Nhóm ngành	35	35	
+ Cơ sở ngành – Kế toán DNCN	17	14	3
+ Cơ sở ngành – Quản trị DNCN	17	17	0
+ Chuyên ngành Kế toán DNCN	28	22	6
+ Chuyên ngành Quản trị DNCN	28	28	0
+ Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	9	9	
Khối kiến thức GDTC và GDQP	Không tính		
+ Giáo dục thể chất			
+ Giáo dục quốc phòng			

1.2. Nội dung chương trình đào tạo

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		31						
I	Học phần bắt buộc		27						
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3	45					BM. LLCT
2	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			BAS123		
3	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			BAS123 BAS215		

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
4	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		BAS123 BAS215 BAS305	BAS123 BAS215 BAS305		
5	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		BAS123 BAS215 BAS305 BAS217	BAS123 BAS215 BAS305 BAS217		
6	BAS0210	Xác suất và thống kê	2	30					K. KHCB
7	ENG112	Tiếng Anh 1	3	45					K. Quốc tế
8	ENG113	Tiếng Anh 2	3	45			ENG112		
9	ENG217	Tiếng Anh 3	3	45			ENG112 ENG113		
10	FIM222	Tin học trong Kinh tế công nghiệp	3	45					K. KTCN
11	FIM207	Pháp luật đại cương	2	30					BM. LLCT
12	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc							K. KHCB
13		Giáo dục quốc phòng							
II.1	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 02 trong 4 học phần)						BAS0109		
14.1	B103BC1	Bóng chuyền 1							K. KHCB
14.2	B103BD1	Bóng đá 1							
14.3	B103BR1	Bóng rổ 1							
14.4	B103CL1	Cầu lông 1							
II.2	Học phần bổ trợ tự chọn (Trải nghiệm - Kinh tế - Xã hội) (Chọn 2 học phần)		4						
15.1	FIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					K. KTCN
15.2	FIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	2	30					
15.3	FIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	2	30					
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92						
I	Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành/ ngành và liên ngành		58						
1.1	Kiến thức liên ngành		3						
16	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	45					K. Điện
1.2	Kiến thức nhóm ngành		35						
	Học phần bắt buộc		35						

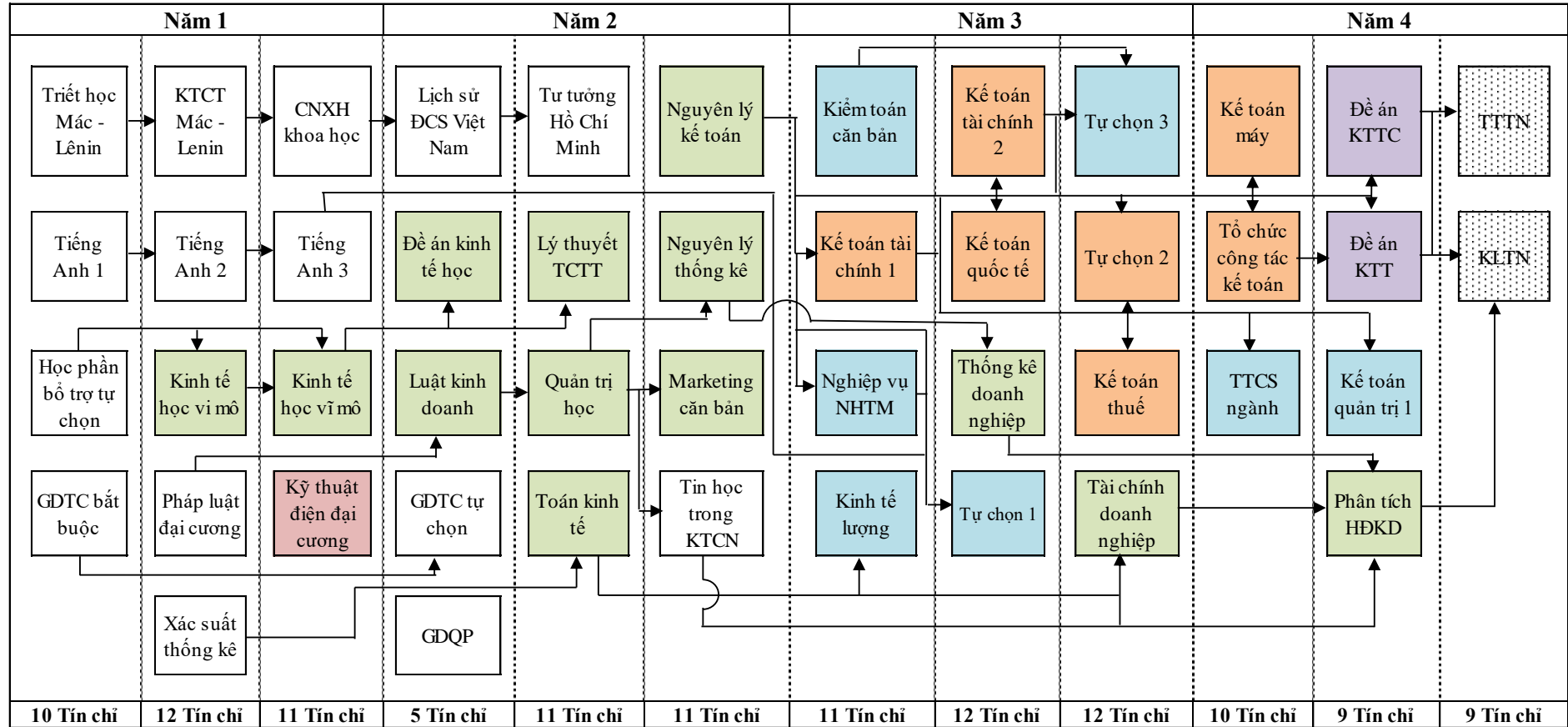
Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
17	FIM330	Luật kinh doanh	2	30			FIM207		BM. LLCT
18	FIM214	Toán Kinh tế	3	45			BAS0108 BAS109		K. KTCN
19	FIM204	Kinh tế học vi mô	3	45					
20	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	45			FIM 204		
21	FIM0308	Đề án Kinh tế học	1	0	60	FIM204 FIM205	FIM204 FIM205		
22	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45			FIM204 FIM205		
23	FIM331	Marketing căn bản	3	45					
24	FIM206	Nguyên lý kế toán	3	45					
25	FIM213	Nguyên lý thống kê	2	30			FIM204 BAS0210		
26	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	45			FIM213 FIM205		
27	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45			FIM371 FIM213 FIM206		
28	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	45			FIM 206		
29	FIM208	Quản trị học	3	45					
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		17						
30	FIM538	Kinh tế lượng	3	45	0	FIM 204 FIM205 BAS0210	FIM 204 FIM205 BAS0210		K. KTCN
31	FIM431	Kế toán quản trị 1	4	60	0	FIM206 FIM213	FIM204 FIM 371 FIM 319		
A	Áp dụng cho chuyên ngành Kế toán DNCN		10						
32	FIM0388	TTCS ngành (Chuyên ngành Kế toán DNCN)	2	0	60		FIM 206		K. KTCN
33	FIM434	Kiểm toán căn bản	3	45			FIM 206		
34	FIM352	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	30					
35	Tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)		3						
35.1	FIM0303	Kế toán hành chính sự nghiệp	(3)	45			FIM 206		
35.2	FIM0302	Kế toán ngân sách	(3)	45			FIM 206		
B	Áp dụng cho chuyên ngành Quản trị DNCN		10						
32	FIM0381	TTCS ngành (Chuyên ngành Quản trị DNCN)	2	0	60		FIM 208		

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
33	FIM443	Thương mại điện tử	2	30			FIM204 FIM205 FIM 208		
34	FIM360	Quản trị tài chính	3	45			FIM208		
35	FIM0305	Văn hóa kinh doanh	3	45			FIM204 FIM205 FIM 208		
II	Khối kiến thức chuyên ngành		37						
II.1	Chuyên ngành Kế toán DNCN		37						
II.1.1	Học phần bắt buộc		22						
36	FIM319	Kế toán tài chính 1	3	45	0		FIM 206		
37	FIM320	Kế toán tài chính 2	3	45	0	FIM 206	FIM206 FIM319		
38	FIM353	Kế toán thuế	3	45	0	FIM 206	FIM206 FIM319		
39	FIM484	Kế toán máy	4	10	50	FIM 206	FIM206 FIM319 FIM320		
40	FIM0545	Tổ chức công tác kế toán	4	30	30	FIM 206	FIM206 FIM319 FIM320		K. KTCN
41	FIM485	Đề án kế toán tài chính	1	0	60	FIM206 FIM319	FIM206 FIM319		
42	FIM539	Đề án kế toán thuế	1	0	60	FIM206 FIM353	FIM206 FIM353		
43	FIM356	Kế toán quốc tế	3	45			FIM 206		
II.1.2	Học phần tự chọn		6						
44	Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)		3						
44.1	FIM432	Kế toán xây dựng cơ bản	(3)	45			FIM 206		
44.2	FIM357	Kế toán thương mại dịch vụ	(3)	45			FIM 206		
45	Tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 học phần)		3						
45.1	FIM0318	Kiểm toán nội bộ	3	45			FIM206		
45.2	FIM354	Kiểm toán tài chính	3	45			FIM434		
II.1.2	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		9						
46	FIM487	TTTN chuyên ngành Kế toán DNCN	3	0	180	FIM319 FIM320 FIM206 FIM0545	FIM319 FIM320 FIM206 FIM0545		KTCN

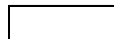
Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
47	FIM488	KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN	6	0	360	FIM319 FIM320 FIM206 FIM0545	FIM319 FIM320 FIM206 FIM0545		
II.2	Chuyên ngành Quản trị DNCN		37						
II.2.1	Học phần bắt buộc		28						
36	FIM364	Quản trị chất lượng	3	45		FIM 208	FIM 208		
37	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	45			FIM204 FIM205 FIM208		KTCN
38	FIM361	Quản lý dự án	4	60			FIM208 FIM331		
39	FIM0470	Quản trị tác nghiệp	4	60		FIM 204 FIM205	FIM208		
40	FIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	45			FIM 208		
41	FIM489	Quản trị chiến lược	3	45			FIM208 FIM331		
42	FIM494	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	3	45			FIM204 FIM205 FIM208		
43	FIM323	Đề án Quản lý dự án	1	0	60		FIM 361		
44	FIM366	Đề án Quản trị tác nghiệp	1		60		FIM 359		
45	FIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45			FIM 208		
II.2.2	Thực tập và Khóa luận Tốt nghiệp		9						
46	FIM487	TTTN chuyên ngành Quản trị DNCN	3		180		FIM362 FIM361 FIM359		KTCN
47	FIM488	KLTN chuyên ngành Quản trị DNCN	6		360		FIM489 FIM494		
TỔNG CỘNG			123						
Tổng số tín chỉ toàn CTĐT: 123 TC (Bắt buộc: 110 TC; Tự chọn: 13 TC)									

2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT

2.1. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT – Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp



Ghi chú:



Các HP đại cương



Các HP cơ sở ngành



Đề án môn học



Các HP liên ngành



Các HP chuyên ngành

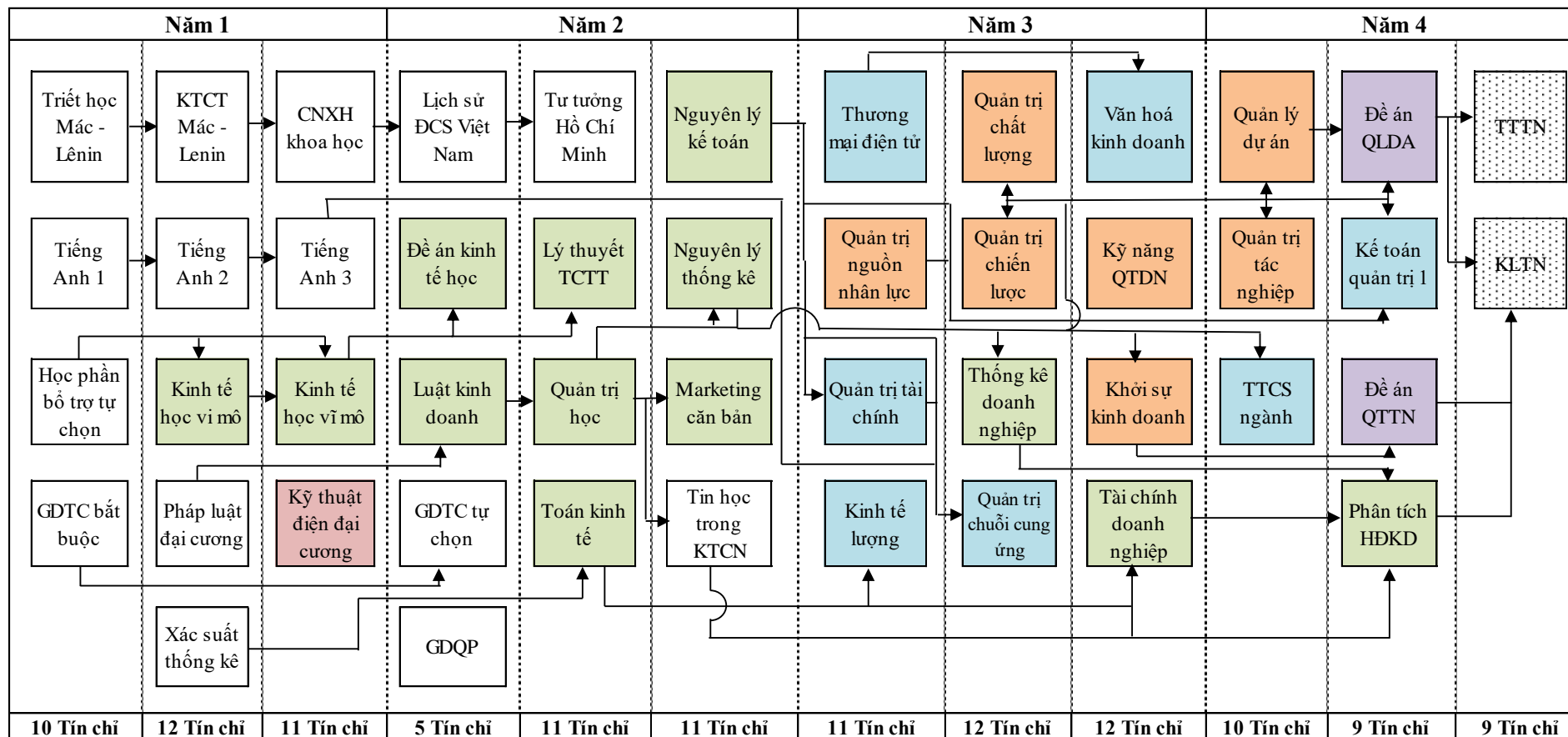


Các HP thực tập/KLTN



Các HP nhóm ngành

2.2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT – Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp



- Ghi chú:
- Các HP đại cương
 - Các HP cơ sở ngành
 - Đề án môn học
 - Các HP liên ngành
 - Các HP chuyên ngành
 - Các HP thực tập/KLTN
 - Các HP nhóm ngành

3. Kế hoạch giảng dạy (phân kỳ CTĐT)

Học kỳ 1:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3	
2	ENG112	Tiếng Anh 1	3	
3	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc		
4	Học phần bổ trợ tự chọn (Chọn 2 trong 4 HP)		4	
4.1	FIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(2)	
4.2	FIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	(2)	
4.3	FIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	(2)	
Tổng			10	

Học kỳ 2:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	FIM204	Kinh tế học vi mô	3	
2	BAS0210	Xác suất và thống kê	2	
3	FIM207	Pháp luật đại cương	2	
4	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
5	ENG113	Tiếng Anh 2	3	
6	Giáo dục thể chất tự chọn (1 trong 4 học phần)			
6.1	B103BC1	Bóng chuyền 1		
6.2	B103BD1	Bóng đá 1		
6.3	B103BR1	Bóng rổ 1		
6.4	B103CL1	Cầu lông 1		
Tổng			12	

Học kỳ 3:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
3	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	
4	ENG217	Tiếng Anh 3	3	
Tổng			11	

Học kỳ 4:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	FIM330	Luật kinh doanh	2	
2	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	

3	FIM0308	Đề án Kinh tế học	1	
4	Giáo dục thể chất tự chọn (1 trong 4 học phần)			
4.1	B103BC1	Bóng chuyền 1		
4.2	B103BD1	Bóng đá 1		
4.3	B103BR1	Bóng rổ 1		
4.4	B103CL1	Cầu lông 1		
5		Giáo dục quốc phòng an ninh		
Tổng			5	

Học kỳ 5:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	FIM214	Toán kinh tế	3	
3	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
4	FIM208	Quản trị học	3	
Tổng			11	

Học kỳ 6:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	FIM206	Nguyên lý kế toán	3	
2	FIM222	Tin học trong kinh tế công nghiệp	3	
3	FIM213	Nguyên lý thống kê	2	
4	FIM331	Marketing căn bản	3	
Tổng			11	

Học kỳ 7:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM434	Kiểm toán căn bản	3	
2	FIM319	Kế toán tài chính 1	3	
3	FIM538	Kinh tế lượng	3	
4	FIM352	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM443	Thương mại điện tử	2	
2	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
3	FIM360	Quản trị tài chính	3	
4	FIM538	Kinh tế lượng	3	
Tổng			11	

Học kỳ 8:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM320	Kế toán tài chính 2	3	
2	FIM356	Kế toán quốc tế	3	
3	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
4	Tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)		3	
4.1	FIM0303	Kế toán hành chính sự nghiệp	(3)	
4.2	FIM0302	Kế toán ngân sách	(3)	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM364	Quản trị chất lượng	3	
2	FIM489	Quản trị chiến lược	3	
3	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
4	FIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
Tổng			12	

Học kỳ 9:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)		3	
1.1	FIM432	Kế toán xây dựng cơ bản	(3)	
1.2	FIM357	Kế toán thương mại dịch vụ	(3)	
2	Tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 học phần)		3	
2.1	FIM354	Kiểm toán tài chính	(3)	
2.2	FIM0318	Kiểm toán nội bộ	(3)	
3	FIM353	Kế toán thuế	3	
4	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM0305	Văn hoá kinh doanh	3	
2	FIM494	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	3	
3	FIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	
4	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	
Tổng			11	

Học kỳ 10:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM0545	Tổ chức công tác kế toán	4	
2	FIM484	Kế toán máy	4	

3	FIM0388	TTCS chuyên ngành Kế toán DNCN	2	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM461	Quản lý dự án	4	
2	FIM0470	Quản trị tác nghiệp	4	
3	FIM0381	TTCS chuyên ngành Quản trị DNCN	2	
Tổng			10	

Học kỳ 11:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM431	Kế toán quản trị 1	4	
2	FIM485	Đề án kế toán tài chính	1	
3	FIM539	Đề án kế toán thuế	1	
4	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM431	Kế toán quản trị 1	4	
2	FIM323	ĐA quản lý dự án	1	
3	FIM369	ĐA Quản trị tác nghiệp	1	
4	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
Tổng			9	

Học kỳ 12:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM487	TTTN chuyên ngành Kế toán DNCN	3	
2	FIM488	KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN	6	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM495	TTTN chuyên ngành Quản trị DNCN	3	
2	FIM496	KLTN chuyên ngành Quản trị DNCN	6	
Tổng			9	

VIII. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học Mác – Lênin (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung học phần trình bày về lý luận của kinh tế chính trị Mác - Lênin và một số vấn đề kinh tế của Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Điều kiện tiên quyết:* Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng từ năm 1930 đến nay. Qua đó khẳng định những thành công, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Điều kiện tiên quyết:* Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên

ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

6. Xác suất và thống kê (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần xác suất thống kê là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên các ngành Kinh tế và Điện tử viễn thông. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê bao gồm: các phép tính về xác suất, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thiết thống kê, lý thuyết về tương quan và hồi quy, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

7. Tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm và ngữ pháp cơ bản liên quan tới một số chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: con người, vật sở hữu, địa điểm, thời gian rảnh, đồ ăn, tiền bạc. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp của học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

8. Tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất và các bài luyện tập đa dạng giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2. Bên cạnh đó, người học rèn luyện được năng lực tự học, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp.

9. Tiếng Anh 3 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như nhà cửa, thói quen, cuộc sống sinh viên, giải trí, thời tiết, sức khỏe, giao thông và các bài luyện tập đa dạng giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ đầu của trình độ B1. Bên cạnh đó, người học rèn luyện được năng lực tự học, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp.

10. Tin học trong Kinh tế công nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 12/33/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tin học trong Kinh tế công nghiệp là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Kinh tế công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tin học văn phòng; các phần mềm ứng dụng trong tài chính, kế toán trong doanh nghiệp công nghiệp; soạn thảo văn bản hợp đồng kinh tế. Học phần này sẽ giúp sinh viên bổ sung các kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

11. Pháp luật đại cương (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, bao gồm các nội dung: khái quát chung về nhà nước; khái quát chung về pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam; luật Hiến pháp Việt Nam; luật hành chính Việt Nam; luật dân sự Việt Nam; luật hình sự Việt Nam; luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; luật phòng, chống tham nhũng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá và định hướng hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

12. Giáo dục thể chất bắt buộc

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giáo dục thể chất bắt buộc là học phần bắt buộc. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Thể dục và Điền kinh (chạy 100m). Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

13. Giáo dục quốc phòng

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân.

14. Giáo dục thể chất tự chọn

14.1. Bóng chuyền 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

14.2. Bóng đá 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Bóng đá 1 là học phần tự chọn. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Bóng đá. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

14.3. Bóng rổ 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng rổ 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

14.4. Cầu lông 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Cầu lông 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

15. Học phần bổ trợ tự chọn (Số tín chỉ: 4 TC)

15.1. Lịch sử các học thuyết kinh tế (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; chủ nghĩa Trọng thương; trường phái kinh tế chính trị học cổ điển; học thuyết kinh tế của Mac-Lênin; học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển; học thuyết kinh tế Trường phái Keynes; học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế theo thời gian.

15.2. Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên của ngành. Học phần bao gồm các nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản

thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

15.3. Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên của ngành. Học phần này bao gồm các nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

16. Kỹ thuật điện đại cương (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ thuật điện đại cương cung cấp kiến thức tổng quan về mạch điện tuyến tính; phương pháp phân tích các bài toán mạch điện tuyến tính một pha và ba pha với kích thích hình sin; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý, các chế độ làm việc của các loại máy điện tĩnh và máy điện động như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số linh kiện bán dẫn cơ bản và cách tính toán các mạch điện tử thông dụng. Giúp sinh viên có khả năng phân tích, tính toán và ứng dụng các mạch điện thông dụng trong thực tế. Ngoài ra, sinh viên được làm quen với hoạt động làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

17. Luật kinh doanh (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Luật kinh doanh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, về ngành luật kinh doanh, quy chế pháp lý về thành lập, quản lý, điều hành và tổ chức lại doanh nghiệp; pháp luật phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp kinh doanh, giúp sinh viên nắm được pháp luật về kinh doanh - thương mại, tổ chức doanh nghiệp, trang bị kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn trong hoạt động kinh doanh theo pháp luật Việt Nam.

18. Toán kinh tế (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Toán kinh tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: giới thiệu về cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế một mô hình; giới thiệu về một số mô hình kinh tế đang được áp dụng trên thực tế; cung cấp hệ thống lý luận về phương pháp giải một số bài toán tối ưu hóa; ứng dụng lý thuyết trò chơi ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. Học phần này sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến các bài toán kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

19. Kinh tế học vi mô (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế học vi mô là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: tổng quan về kinh tế học; cung - cầu; độ co giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần này giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ kinh tế, các nguyên lý kinh tế cơ bản, các quy luật kinh tế và các phương pháp nghiên cứu kinh tế; là cơ sở, nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên ngành sau này.

20. Kinh tế học vĩ mô (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế học vĩ mô là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; khái quát về kinh tế học vĩ mô; tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân; tổng cầu và chính sách tài khoá; tiền tệ và chính sách tiền tệ; mô hình IS - LM và chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế đóng; lạm phát và thất nghiệp; kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được ý nghĩa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá được những tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến doanh nghiệp và hộ gia đình.

21. Đề án Kinh tế học (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án kinh tế học là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nhằm áp dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết các bài toán trong thực tế như tìm hiểu về cung, cầu, chi phí, giá cả, doanh thu, lợi nhuận, cạnh tranh và độc quyền; biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát. Học phần này củng cố kiến thức của học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ, các mô hình và các phương pháp kinh tế học để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể.

22. Lý thuyết tài chính tiền tệ (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Tổng quan về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; tài chính doanh nghiệp; các tổ chức tài chính trung gian; lãi suất; chính sách tiền tệ; lạm phát. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để giải quyết một số vấn đề tài chính tiền tệ phát sinh trong thực tiễn và là nền tảng giúp sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành có liên quan.

23. Marketing căn bản (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Marketing căn bản thuộc hệ thống các học phần cơ sở ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần gồm 2 nội dung chính: những vấn đề chung của marketing (Thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động lên thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích hành vi tiêu dùng, cách phân đoạn các thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu); các công cụ marketing phổ biến được sử dụng trong các doanh nghiệp (Sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến hỗn hợp). Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hoạt động định hướng thị trường của tổ chức, là nền tảng để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

24. Nguyên lý kế toán (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, là cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

25. Nguyên lý thống kê (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý thống kê là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê thường dùng; các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành liên quan.

26. Thống kê doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thống kê doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về tình hình sử dụng lao động; đánh giá tài sản cố định; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được phương pháp và rèn luyện kỹ năng tính toán các chỉ tiêu thống kê trong doanh nghiệp.

27. Phân tích hoạt động kinh doanh (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố trong sản xuất kinh doanh; phân tích về chi phí, giá thành sản phẩm, tiêu thụ và lợi nhuận; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức đã học vào phân tích và đánh giá tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

28. Tài chính doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tài chính doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp gồm phân tích báo cáo tài chính, dòng tiền, định giá dòng tiền chiết khấu, giá trị hiện tại ròng và các nguyên tắc đầu tư khác; ra quyết định đầu tư; phân tích rủi ro, quyền chọn thực; lãi suất, định giá trái phiếu, và định giá cổ phiếu. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp để sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

29. Quản trị học (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị, Nhà quản trị, Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị cổ điển và hiện đại; các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra; quản trị thông tin và ra quyết định.

30. Kinh tế lượng (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Xác suất và thống kê

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế lượng là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Giới thiệu về mô hình hồi quy đơn biến, hồi quy đa biến, hồi quy với biến giả; nghiên cứu các khuyết tật có thể xảy ra của một mô hình kinh tế lượng như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan. Học phần này giúp sinh viên nắm được quy trình phân tích hồi quy để giải quyết những bài toán kinh tế kinh tế cụ thể.

31. Kế toán quản trị 1 (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 60/0/120

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán; Nguyên lý thống kê.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kế toán quản trị 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng, bao gồm các nội dung: Khái niệm, bản chất, đối tượng, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí; Mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi

nhuận; Cách lập các loại dự toán sản xuất; Nhận diện, phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn. Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng để thu thập và cung cấp thông tin giúp Nhà quản trị đưa ra các quyết định quản lý trong quá trình điều hành doanh nghiệp, giúp đưa ra đề xuất về các giải pháp nhằm duy trì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

32. Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Kế toán DNCN) (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/120/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Kế toán DNCN) là học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này bao gồm hệ thống các tình huống giả định được xây dựng trên bộ dữ liệu thực tế. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng trong việc thực hành quy trình luân chuyển chứng từ kế toán trên một số phần hành kế toán.

33. Kiểm toán căn bản

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm toán căn bản là một học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm những kiến thức nền tảng về lĩnh vực kiểm toán như bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng của kiểm toán; các phương pháp kiểm toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kiểm toán; các hình thức tổ chức công tác kiểm toán; tổ chức bộ máy kiểm toán và các chuẩn mực kiểm toán. Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể tiếp cận nhanh với công việc kế toán – kiểm toán sau khi tốt nghiệp.

34. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiệp vụ ngân hàng thương mại là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: hoạt động huy động vốn và quản lý vốn, tài sản và quản lý tài sản của ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại như cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê, bảo lãnh, quy trình tín dụng, nội dung của quy trình tín dụng, phân tích tín dụng; và các dịch vụ thanh toán của ngân hàng thương mại. Học phần này giúp sinh viên nắm được những kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn của ngân hàng thương mại để biết cách vận dụng, thực hành các bước của các quy trình kinh doanh của ngân hàng thương mại trong thực tế.

35. Học phần tự chọn 1 (Số tín chỉ: 3TC)

35.1. Kế toán hành chính sự nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN) là một học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán DNCN, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công

nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị HCSN. Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở đơn vị HCSN. Cách lập, đọc các báo cáo tài chính của các đơn vị HCSN.

35.2. Kế toán ngân sách (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kế toán ngân sách là một học phần dành cho sinh viên ngành kế toán, bao gồm những kiến thức nền tảng về lĩnh vực kế toán ngân sách như: Tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, kế toán thu - chi ngân sách xã, kế toán vốn bằng tiền, vật tư, tài sản cố định; kế toán thanh toán, nguồn vốn, quỹ của xã; các loại báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách xã. Mỗi đối tượng đều cung cấp đầy đủ nội dung, nguyên tắc hạch toán, chứng từ kế toán, sổ sách, phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh, kèm theo ví dụ minh họa thực tế. Giúp sinh viên có thể tự đọc, tự nghiên cứu để hình thành kiến thức chuyên môn của mình và tự tin khi ra trường làm các công việc kế toán tại các xã, phường.

32. Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp) (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/120/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Quản trị DNCN) là học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này bao gồm các nội dung: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở 3 năm gần nhất; lựa chọn và báo cáo chi tiết thực trạng một trong bốn hoạt động sản xuất kinh doanh chính của cơ sở; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực lựa chọn báo cáo. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết vào tìm hiểu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp.

33. Thương mại điện tử (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thương mại điện tử: Các mô hình kinh doanh thương mại điện tử; Các vấn đề chính - pháp lý, hạ tầng kỹ thuật và cung cấp giải pháp - trong các chiến lược phát triển thương mại điện tử; Các giải pháp công nghệ trong việc xây dựng các ứng dụng thương mại điện tử. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếp cận, khai thác và sử dụng những thông tin mạng Internet phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

34. Quản trị tài chính (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị tài chính là một học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho

sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần nghiên cứu các nội dung về quản trị tài chính của doanh nghiệp bao gồm quản trị vốn lưu động, vốn cố định, tính giá trái phiếu, cổ phiếu, phân tích báo cáo tài chính, ra quyết định đối với dự án mới, sản phẩm mới, thị trường mới.

35. Văn hoá kinh doanh (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa trong kinh doanh, cụ thể về triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp. Học phần giúp người học hiểu được nội dung của văn hóa kinh doanh, vai trò và cách vận dụng các nội dung đó trong các hoạt động kinh doanh nhằm phát triển kinh doanh bền vững cho doanh nghiệp.

36. Kế toán tài chính 1 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán tài chính 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư; kế toán hàng tồn kho; kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm. Học phần này sẽ giúp sinh viên có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán theo đúng nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tự học, tự giải quyết các vấn đề thay đổi về kế toán có liên quan đến một số phân hành kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

37. Kế toán tài chính 2 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán tài chính 2 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán; kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng; kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Báo cáo tài chính. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế theo đúng chế độ, chuẩn mực kế toán sau khi ra trường.

38. Kế toán thuế (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán thuế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: những kiến thức cơ bản về thuế và kế toán các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam (Thuế giá trị gia tăng; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân, các sắc thuế đánh vào tài sản, cũng như một số loại

thuế, phí trên thực tế khác). Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm rõ các vấn đề liên quan đến thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp.

39. Kế toán máy (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 10/50/120

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán máy là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Kế toán trên Excel (các vấn đề cơ bản và ứng dụng trong kế toán); kế toán trên phần mềm kế toán Misa SME.NET (các ứng dụng trên các phần hành kế toán doanh nghiệp). Học phần trang bị kỹ năng cơ bản cho sinh viên trong việc giải quyết các vấn đề kế toán dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

40. Tổ chức công tác kế toán (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/30/120

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tổ chức công tác kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát chung về tổ chức công tác kế toán; tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán và các hình thức kế toán; tổ chức công tác kế toán một số yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh; tổ chức hệ thống báo cáo kế toán; tổ chức bộ máy kế toán và kiểm tra kế toán. Thông qua các bài tập thực tế, học phần giúp cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết của một kế toán viên, kế toán tổng hợp khi làm thực tế sau tốt nghiệp.

41. Đề án kế toán tài chính (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án Kế toán tài chính là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, với các tình huống giả định được xây dựng dựa trên các số liệu thực tế liên quan đến một số phần hành chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được thực hành thực tế, rèn luyện kỹ năng của một kế toán viên, củng cố lại các kiến thức đã học trong các học phần kế toán tài chính, đồng thời rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, lập báo cáo.

42. Đề án kế toán thuế (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán, Kế toán thuế

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án Kế toán thuế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, được xây dựng dựa trên các số liệu thực tế trong tình huống giả định liên quan đến một số loại thuế chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại, qua đó giúp sinh viên rèn

luyện một số kỹ năng mềm, lập báo cáo thuế theo đúng quy định hiện hành, đồng thời củng cố lại các kiến thức đã học trong các học phần trước đó.

43. Kế toán quốc tế (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán Quốc tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán quốc tế; Các hệ thống kế toán trên thế giới; Đặc điểm mô hình kế toán của một số nước trên thế giới; Đặc điểm cơ bản của kế toán Mỹ; Quy trình kế toán, các báo cáo kế toán cơ bản; Kế toán mua và bán hàng trong doanh nghiệp thương mại; Kế toán tài sản cố định, tài sản lưu động; Kế toán nợ phải trả, Kế toán vốn chủ sở hữu. Học phần này giúp sinh viên có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kế toán trong điều kiện toàn cầu hóa, cũng như hội nhập quốc tế hiện nay.

44.1. Kiểm toán tài chính (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm toán tài chính là một học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Mục tiêu của kiểm toán tài chính, bằng chứng kiểm toán, các công việc kiểm toán phải làm và các bằng chứng kiểm toán viên phải thu thập trong từng giai đoạn kiểm toán; Giới thiệu kiểm toán các khoản mục cơ bản, chủ yếu và các kết luận cùng các thuyết minh của kiểm toán viên trong giai đoạn kết thúc kiểm toán. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được nội dung các hoạt động kiểm toán tài chính tại các doanh nghiệp.

44.2. Kiểm toán nội bộ (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm toán nội bộ là một học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng theo định hướng kiểm toán cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Những vấn đề cơ bản về kiểm toán nội bộ, hệ thống chuẩn mực kiểm toán nội bộ, kiểm toán nội bộ với hoạt động kế toán trong đơn vị, quy trình kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ và kiểm toán nội bộ 1 số phần hành kế toán trong doanh nghiệp.

45.1. Kế toán xây dựng cơ bản (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán xây dựng cơ bản là một học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này bao gồm các nội dung: vấn đề chung về hạch toán trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp và kế toán ở đơn vị chủ đầu tư; đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành

sản phẩm và bàn giao công trình xây lắp và đặc điểm hạch toán doanh thu; xác định kết quả hoạt động xây lắp theo các phương thức kế toán trong xây dựng cơ bản theo chế độ hiện hành. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng tổ chức công tác kế toán liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản tại các doanh nghiệp.

45.2. Kế toán thương mại dịch vụ (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán thương mại dịch vụ là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tổng quan về doanh nghiệp thương mại dịch vụ; kế toán mua bán hàng hóa trong nước, kế toán xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ. Học phần được xây dựng dựa trên các chuẩn mực, nguyên tắc kế toán Việt Nam hiện hành, qua đó giúp sinh viên có khả năng ứng dụng, giải quyết các tình huống, nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.

46. Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/180/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, thông qua đi thực tế, tiếp cận công tác kế toán thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, công ty sinh viên được trải nghiệm, so sánh thực tế công tác kế toán với lý thuyết đã học trên lớp từ đó phát hiện và kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị.

47. Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN (Số tín chỉ: 6 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/360/180

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, thông qua tiếp cận thực tế một phần hành kế toán chuyên sâu dựa trên kết quả tập, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc, nghiên cứu độc lập, lập báo cáo, thuyết trình.

III.2. Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp

48. Quản trị chất lượng (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chất lượng là một học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ

năng cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm ba nội dung chính: những vấn đề chung về quản trị chất lượng (vị trí, vai trò, các nguyên tắc và phương pháp quản trị chất lượng); một số hệ thống quản trị chất lượng đang được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay như ISO, TQM...; một số kỹ thuật và công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và các công cụ đảm bảo, cải tiến chất lượng. Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết và vận dụng vào việc quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý hoạt động của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

49. Quản trị nguồn nhân lực (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị nguồn nhân sự trình bày các kiến thức về nguồn nhân lực và giải quyết các vấn đề liên quan đến nguồn lực con người; xây dựng các kế hoạch và triển khai các hoạt động tác nghiệp về nhân sự cụ thể bao gồm phân tích công việc, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, giải quyết các quan hệ lao động trong doanh nghiệp nhằm thu hút, sử dụng và duy trì lực lượng lao động đủ về lượng, đúng về chất và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động trong doanh nghiệp.

50. Quản lý dự án (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 60/0/180

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dự án, trình tự lập dự án, và các lĩnh vực quản lý dự án. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo khả thi dự án, thiết lập những công cụ quản lý dự án như: WBS, biểu đồ GANTT, sơ đồ mạng PERT/CPM, các công cụ quản lý chi phí và chất lượng dự án.

51. Quản trị tác nghiệp (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 60/0/180

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp của nó như dự báo, quản trị công suất, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị dự trữ sản xuất hệ thống cung cấp đúng thời hạn trong hệ thống sản xuất sản phẩm công nghiệp, xác định mối quan hệ chặt chẽ với các chức năng quản lý khác.

52. Khởi sự kinh doanh (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về nghề kinh doanh và những kỹ năng cơ bản để trở thành một người chủ doanh nghiệp “thành đạt” trên nền kinh tế thị trường. Những yếu tố cần thiết để hình thành một ý tưởng kinh doanh tốt, khả thi có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao cho doanh nghiệp, hướng dẫn cách để có thể soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh. Khi đã hình thành được một bản kế hoạch kinh doanh, các doanh nghiệp cần

phải triển khai kế hoạch kinh doanh đó, sinh viên sẽ nắm được những cách thức để có thể triển khai hoạt động kinh doanh từ những bước căn bản nhất đến khi thực hiện được đúng với bản kế hoạch kinh doanh đã vạch ra từ trước.

53. Quản trị chiến lược (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị chiến lược trình bày những tư tưởng chủ yếu về chiến lược và quản trị chiến lược trong doanh nghiệp như: sứ mệnh, tầm nhìn, các chiến lược cơ bản, lợi thế cạnh tranh, giới thiệu các mô hình phân tích, lựa chọn chiến lược, cũng như mô tả các hoạt động tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

54. Kỹ năng quản trị doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản lý là khoa học và nghệ thuật để giải quyết mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình quản lý. Vấn đề quan trọng của nhà quản lý là cần biết cách thức phối hợp giữa các chức năng quản lý và kinh nghiệm công tác để hình thành các chức năng quản lý, dần biến thành các kỹ xảo để điều hành các kỹ năng quản lý. Học phần giới thiệu một số kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, kỹ năng động viên phê bình nhân viên, vấn đề thu thập thông tin ra quyết định quản lý, kỹ năng thuyết trình, đàm phán, giao nhiệm vụ.

55. Đề án quản lý dự án (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/120

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp sinh viên củng cố các kiến thức về quản lý dự án. Vận dụng các kiến thức về quản lý dự án, tìm hiểu mở rộng vốn kiến thức và áp dụng trong thực tiễn. Đồng thời cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề thực tế. Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm. Tập dượt cho việc làm đề án tốt nghiệp sau này.

56. Đề án quản trị tác nghiệp (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/120

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiên cứu và vận dụng các nội dung đã nghiên cứu trong học phần Quản trị tác nghiệp để giải quyết các bài toán trong thực tế trong một đơn vị như tìm hiểu quá trình sản xuất sản phẩm tại doanh nghiệp, đặc trưng sản phẩm và lựa chọn công nghệ, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp để từ đó đưa ra các quyết định như hoạch định tổng hợp, hoạch định nguyên vật liệu, điều độ sản xuất

57. Quản trị chuỗi cung ứng (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng. Cấu trúc và hoạt động của chuỗi, vai trò, trách nhiệm cũng như ảnh hưởng của mỗi thành viên trong cơ cấu chi phí, giá trị và lợi

nhuận của chuỗi; quy trình xây dựng hệ thống hoạt động của chuỗi. Một số mô hình tổ chức hoạt động của chuỗi. Các hoạt động chính trong quản trị chuỗi: Lập kế hoạch, tìm nguồn cung ứng, điều hành sản xuất và điều phối tiêu thụ sản phẩm. Hệ thống thông tin và quá trình phối hợp, hợp tác hoạt động của chuỗi. Phân tích đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm hay của tổ chức, nâng cao chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

58. Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Quản trị DNCN (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/180/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Quản trị DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc trong thực tiễn để tìm hiểu và hoàn thành báo cáo về: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, thực trạng các hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập.

59. Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Quản trị DNCN (Số tín chỉ: 6 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/360/180

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Quản trị DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tế hoạt động quản trị trong doanh nghiệp, nghiên cứu sâu một hoạt động (lĩnh vực) cụ thể của doanh nghiệp, các khía cạnh liên quan đến vấn đề thực tiễn để đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hay giải quyết vấn đề cụ thể đang tồn tại của doanh nghiệp.